FireAnt

CTCP Thủy điện Hương Sơn (UPCOM: GSM)

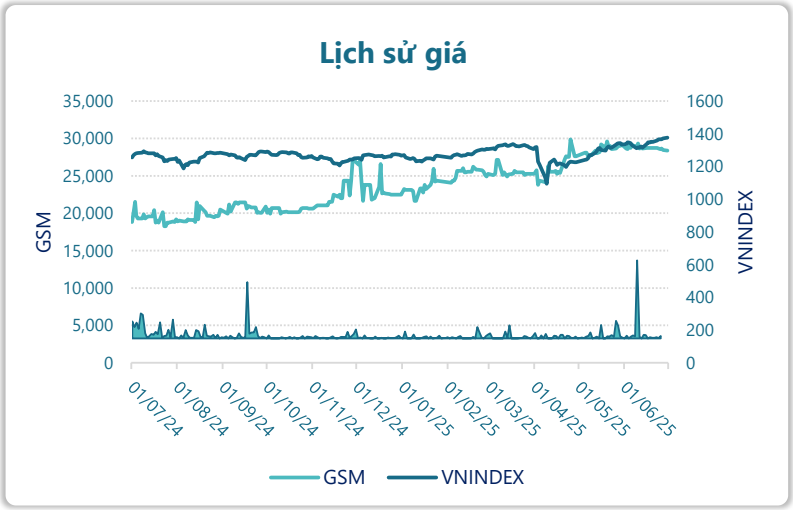

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**30,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,868
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,258
SL cổ phiếu LH	28,562,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,505
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	865
P/E	7.4
EPS	4,078

DT thuần

Q2/25

54.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.60| 11.6%

YoY: ▲ 35.4| 187%

LN sau thuế

Q2/25

28.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.20| 27.7%

YoY: ▲ 25.7| 913%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

62.1%

+/- YoY: ▲ 40.6%

DT thuần

6T 2025

103

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 61.3| 148%

LN sau thuế

6T 2025

50.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 46.7| 1155%

ROE

Q2/25

23.2%

+/- YoY: ▲ 15.4%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

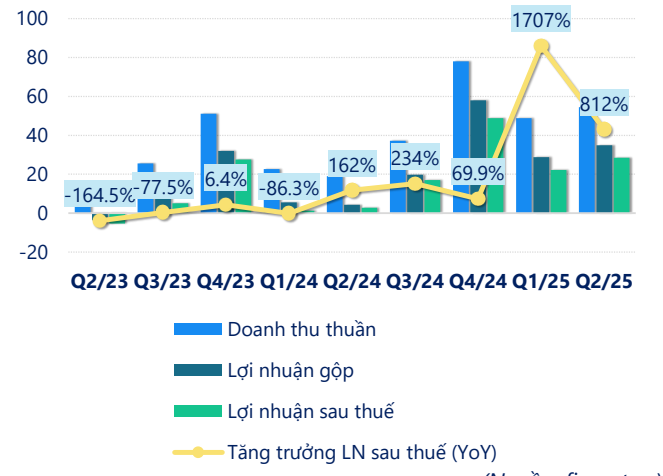

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

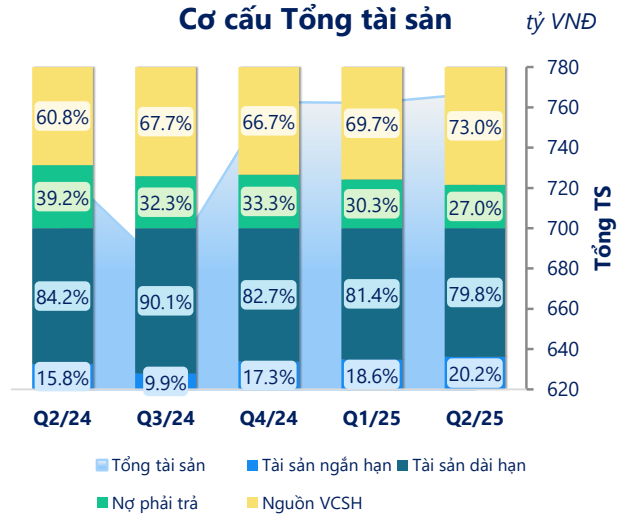

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

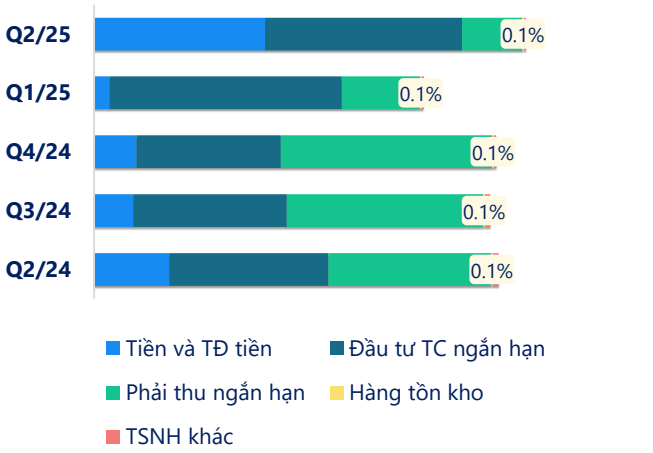

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

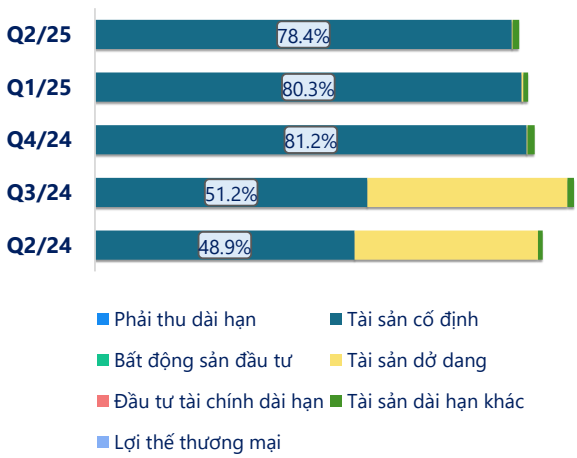

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

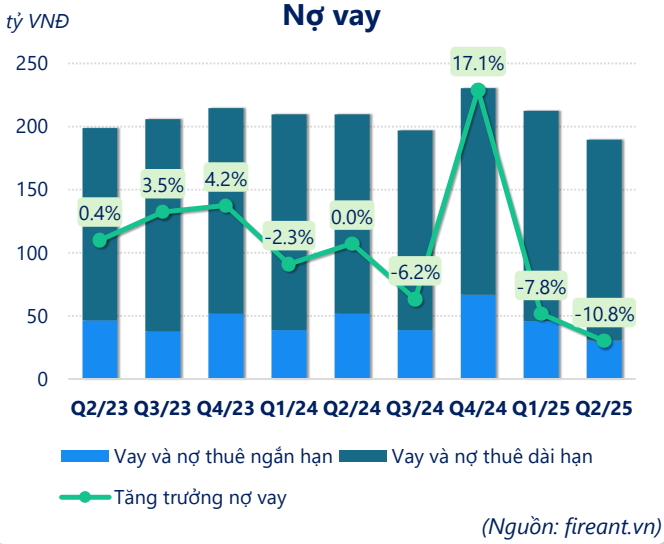

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

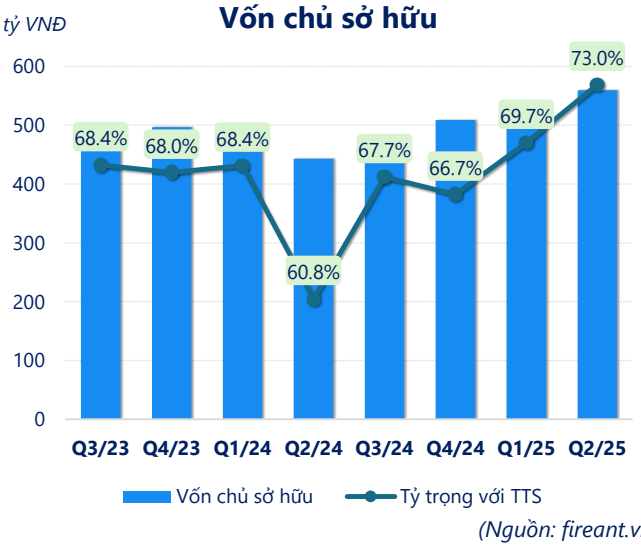

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

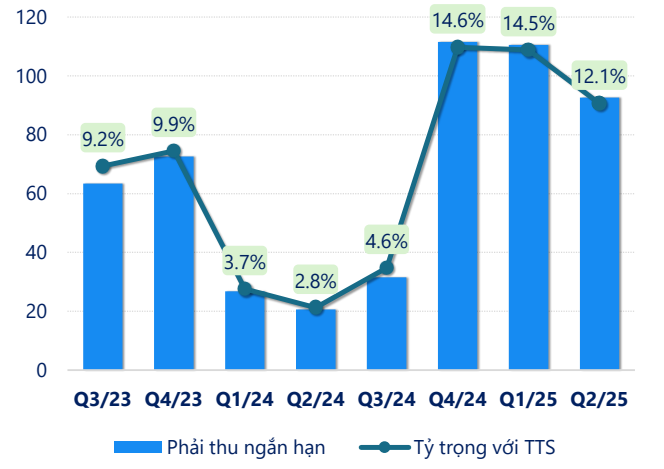

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

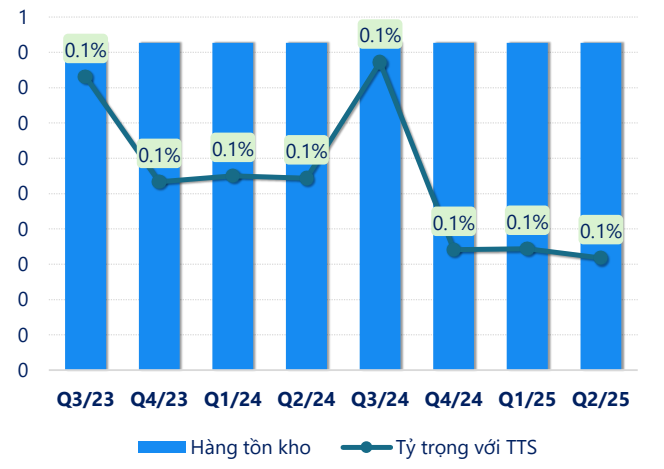

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

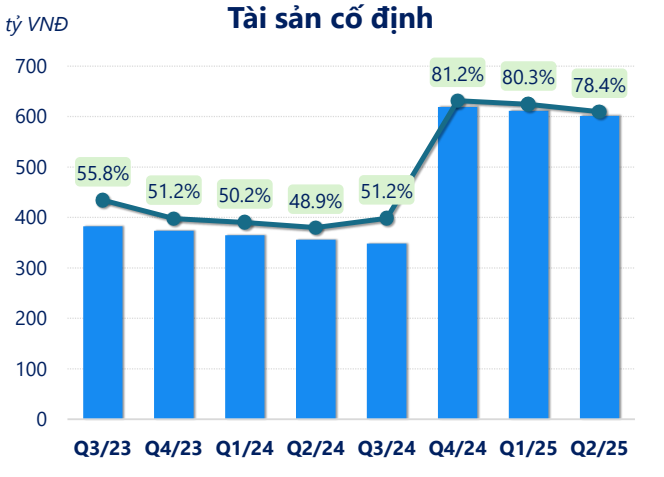

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

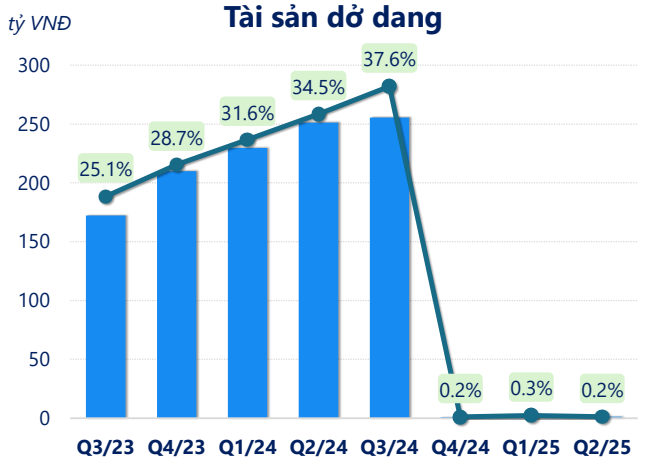

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

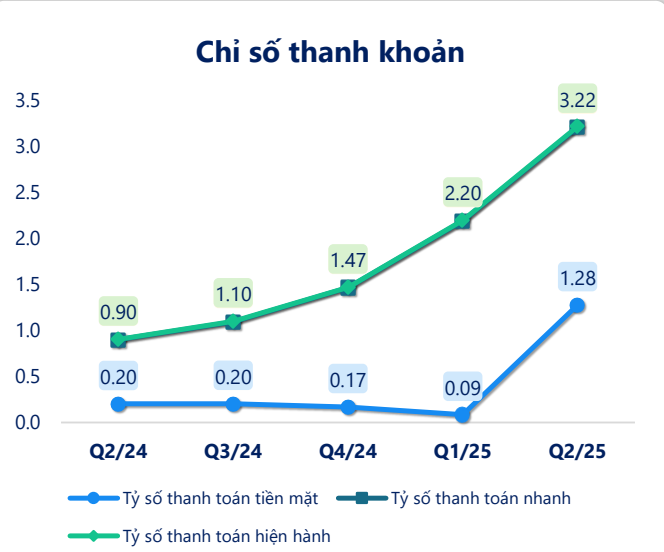

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

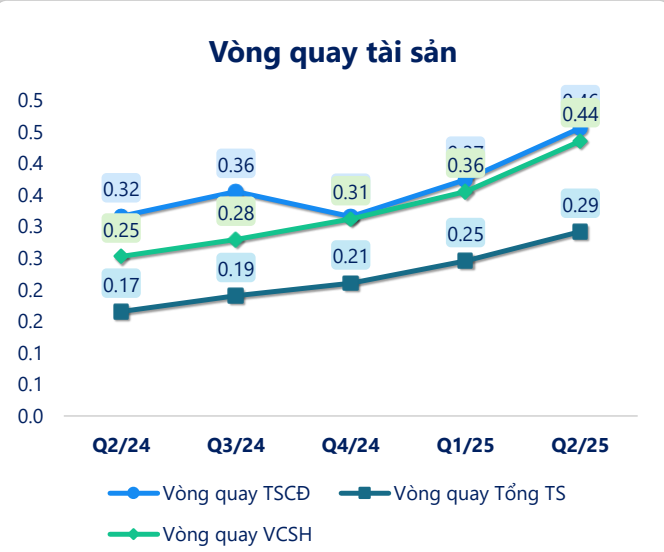

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**729**	**680**	**763**	**762**	**767**
Tài sản ngắn hạn	**115**	**67.4**	**132**	**141**	**155**
Tiền và tương đương tiền	25.8	12.5	15.2	5.48	61.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67.6	22.7	4.69	24.7	0.37
Phải thu ngắn hạn	20.6	31.5	112	111	92.6
Hàng tồn kho	0.46	0.46	0.46	0.46	0.46
Tài sản ngắn hạn khác	0.70	0.21	0.14	0.20	0.11
Tài sản dài hạn	**614**	**612**	**631**	**621**	**612**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	356	348	619	612	601
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	251	256	1.19	2.40	1.29
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6.32	8.52	10.1	6.71	9.07
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**285**	**219**	**254**	**231**	**207**
Nợ ngắn hạn	**127**	**61.2**	**89.9**	**64.4**	**48.2**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	51.7	38.8	66.7	45.7	30.5
Phải trả người bán ngắn hạn	11.2	12.0	8.92	6.23	7.18
Nợ dài hạn	158	158	164	167	159
Vay và nợ thuê dài hạn	158	158	164	167	159
Nguồn vốn chủ sở hữu	**443**	**460**	**509**	**531**	**560**
Vốn chủ sở hữu	**443**	**460**	**509**	**531**	**560**
Vốn điều lệ	286	286	286	286	286
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)